TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN KHMER TRONG ĐỜI SỐNG THỰC TẠI

HỒ QUỐC HÙNG* - HUỲNH VŨ LAM**

Tóm tắt: Truyện cười có một vị trí không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer Nam Bộ. Truyện cười Khmer cho thấy sự hài hòa giữa văn hóa tín ngưỡng và sinh hoạt đời thường. Sự đan cài nhiều lớp văn hóa, bên cạnh tín ngưỡng phồn thực có tinh thần giáo lý nhà Phật và những cảm hứng dung dị của cuộc đời làm cho truyện cười Khmer có khí vị độc đáo, giàu ý nghĩa nhân sinh.

Từ khóa: truyện cười dân gian, Khmer, tín ngưỡng phồn thực, Phật giáo, diễn xướng truyện kể.

Abstract: Folk joke tales have an indispensable role in the cultural practices of the Khmer people in Southern Vietnam. The folk joke tales indicate the harmony between religious life and daily life of the Khmer people. The Khmer joke folk tales demonstrate the integration of different cultural layers within the Khmer culture - alongside linga-ism are Buddhist teachings and simple, mundane inspirations - which makes Khmer folk joke tale unique and humane.

Keywords: Folk joke tales, Khmer ethnic minority, linga-ism, Buddhism, storytelling performance

1. Trong đời sống văn hoá của người Khmer Nam Bộ, truyện cười chiếm một vị trí đặc biệt do nó thấm sâu tinh thần tôn giáo và tinh thần thế tục. Mối liên hệ này cũng chính là điều tạo nên sự khác biệt so với truyện cười ở các cộng đồng dân tộc khác. Điều đó hình thành từ quá trình xây dựng đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa, đặc biệt lĩnh vực tâm linh của người Khmer từ nhiều thế kỷ trước. Đây là một vấn đề lớn đòi hỏi sự tiếp cận từ góc độ liên ngành.

Trước hết về mặt tộc người, theo nhiều tài liệu dân tộc học và khảo cổ học, cho biết: tộc người Khmer Nam Bộ thuộc dòng ngôn ngữ Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer có địa bàn cư trú trải dài dọc dãy Trường Sơn vào tận miền Đông Nam Bộ. Theo Đặng Nghiêm Vạn: "Tộc người Khmer, hiện nay có dân số là 1.055.174 người, chiếm 8% dân số trong vùng. Họ chủ yếu sinh sống ở miền Đông Nam Bộ, miền Đồng bằng sông Cửu Long, xen lẫn người Việt, người Hán, người Chăm... Tộc danh được các tộc người khác đặt cho là Thổ hay tự gọi là Khơme Krôm (K. ở thấp), để phân biệt với người đồng tộc ở bên kia biên giới Việt Nam - Campuchia là Khơme Lơ (K. ở cao) và Khơme Kandal (K. ở giữa)" [11].

Ngoài ra, người Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long còn được gọi bằng nhiều

* TS - Trường Đại học Văn Lang TP. Hồ Chí Minh, Email: hoquochung077@gmail.com.

** TS - Trường Đại học Trà Vinh, Email: hvlam@tvu.edu.vn.

tên khác như Miên, Việt gốc Miên, Cur, Cul,... và cư trú theo từng cộng đồng dưới những hình thái khác nhau bên cạnh các tộc người anh em. Dù xen cư nhưng người Khmer vẫn tạo được không gian văn hóa đặc thù cho mình.

Nhiều người cho rằng, khi nói đến văn hoá Khmer tức là nói đến nền văn hoá chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết lí Phật giáo Tiểu thừa. Sự phổ biến của Phật giáo Tiểu thừa trong đời sống tinh thần của người dân Khmer cho thấy sự lấn át của Phật giáo đối với đạo Bà la môn, vốn có cội nguồn sâu xa trong quá trình xác lập văn hóa tộc người Khmer trong quá khứ. Dù vậy, quá trình vận động, tích hợp văn hóa vẫn để lại trong tâm thức của người Khmer một số dấu ấn của Bà la môn giáo qua lễ hội, phong tục. Vì vậy, dẫu Phật giáo Tiểu thừa đã trở thành một "môi trường sống" cho người Khmer nhưng những triết lí về nhân sinh, những tín ngưỡng dân gian vẫn còn mang dấu ấn tư tưởng của Ấn Độ giáo, thể hiện qua tục lệ vòng đời. Trong khi người theo trường phái Đại thừa (người Kinh ở Việt Nam) quan niệm chết là kết thúc một vòng đời để tiếp tục tái sinh ở một kiếp khác thì người Khmer theo Phật giáo Tiểu thừa lại cho rằng: linh hồn của người được sinh ra từ vũ trụ (Brama) nên khi chết phải quay về với linh hồn vũ trụ. Một bên nặng về nhân sinh quan, một bên nặng về vũ trụ quan nhưng thực ra không hẳn đối lập mà ở người Khmer vẫn tìm sự dung hòa giữa cái siêu thực và thực tiễn để tạo nên nét đặc thù trong tư duy và nhận thức cuộc sống. Nhờ đó, đời sống tâm thức của người Khmer tạo nên những nét độc đáo riêng so với người Việt và người Hoa theo Phật giáo Bắc tông.

Chính tinh thần này tác động vào kết cấu và lối sinh hoạt truyện cười Khmer. Tác giả Châu Ôn cho rằng trong "Một vài thể loại văn học dân gian Khmer" thì các thể loại văn xuôi có sự ảnh hưởng rất lớn nét văn hóa đậm chất Phật giáo Tiểu thừa và tín ngưỡng dân gian, từ thể loại "rương Prêng" (cổ tích) và "rương Bŏran" (thần thoại) cho tới rương "katêlok" (ngụ ngôn). Cũng theo ông, đáng chú ý nhất là một khối lượng lớn loại truyện ngụ ngôn, truyện nói về thú vật và truyện cười: "Truyện ngụ ngôn phát triển cũng dễ hiểu vì Phật giáo có nguyên tắc truyền thống là dùng lối kể truyện cổ theo phương pháp ẩn dụ để giảng đạo, thay cho lối giảng nguyên lí khô khan, tức là dùng hình tượng văn học cụ thể thay cho khái niệm triết lí trừu tượng, vừa hấp dẫn vừa phù hợp với đối tượng cần truyền đạt là người bình dân" [12].

Nhận định này cho thấy truyện ngụ ngôn, truyện cười Khmer tồn tại trong đời sống thực tế để tạo nên sắc thái riêng. Đấy là sinh hoạt truyện cười trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo. Xét dưới góc độ kết cấu truyện, nếu trong hệ thống truyện loài vật thông minh của các dân tộc, thỏ chỉ thuần túy là biểu tượng cho sự thông minh thì ở đây, người Khmer còn quan niệm rằng thỏ từng là một kiếp hóa thân của đức Phật, có khả năng hóa giải nhiều mối xung đột. Sự đồng nhất biểu tượng của dân gian với tôn giáo ở đây thực chất là kết quả của một quá trình vận động văn hóa ở Nam Bộ vào nhiều thế kỉ trước theo xu hướng hòa hợp. Để thấy rõ điều đó, xin lần lượt đi vào từng khía cạnh.

2. Quá trình lịch sử và hiện thực cuộc sống là nhân tố tạo nên không gian văn hóa cốt lõi cho truyện cười Khmer. Từ đầu óc thực tiễn với lối tư duy của người Khmer làm cơ sở để tạo nên những tình huống gây cười cho truyện. Như vậy, để tìm hiểu cơ cấu gây cười, buộc phải thâm nhập vào đời sống thực tế của người Khmer. Trước hết nói về không gian văn hóa đặc thù. Theo Ngô Đức Thịnh, khác với không gian văn hoá của vùng miền Trung và Bắc Bộ, không gian văn hoá của người Khmer gắn liền với thiên nhiên và ít tính lịch sử: "Nếu ở trung du và vùng đồng bằng Bắc Bộ, cái ghi đậm dấu ấn là những huyền thoại, thần thoại và truyền thuyết lịch sử gắn với cội nguồn dân tộc và các triều đại, nhân vật lịch sử thì với vùng đất mới này, cái không khí lịch sử ấy đã không còn nữa, mà thế giới tự nhiên với hai mặt vừa quyến rũ vừa đe doạ của nó đã là những mẫu đề chính của truyện cổ và thơ ca dân gian" [7].

Trong không gian ấy, con người không phải lo mưu sinh, ít quan tâm đến các đối lập, mâu thuẫn nội tại. Đấy là lý do cho thấy vì sao truyện cười Nam Bộ nói chung và truyện cười của dân tộc Khmer nói riêng ít chất châm biếm theo kiểu phủ định, phá bỏ mà nặng chất hài hước, chú trọng vào cái tự nhiên, hoang sơ trong đó bao gồm hình thể tự nhiên của con người. Con người sống khoáng đãng với thiên nhiên, cần đoàn kết để chống lại sức mạnh của thiên nhiên. Hài hước, tự trào phần nào góp thêm sức mạnh cho họ. Trên nền chung ấy, mỗi vùng đất cư trú mới tùy theo hình thái cụ thể đã góp phần định hình, định tính vào hành trang truyền thống, phong tục của tộc người Khmer. Điều này có nghĩa mỗi vùng đất với những điều kiện sống khác nhau cũng mang lại những sắc thái riêng trong thể loại truyện cười Khmer. Để tìm hiểu đặc tính này, cần có những khảo sát thực tế.

Để tìm hiểu thực tại sinh hoạt của người Khmer có ảnh hưởng thế nào đến bối cảnh kể chuyện cười của người Khmer, chúng tôi đã tiến hành điều tra xã hội học về với đối tượng là người dân và học sinh sinh viên người Khmer. Trong phiếu điều tra của chúng tôi về hoàn cảnh kể chuyện cười (người Khmer thường kể chuyện lúc nào) có 04 phương án:

a/ Lúc sinh hoạt gia đình

b/ Trong không khí lễ hội

c/ Lúc cùng bạn bè ăn uống, tiệc tùng

d/ Các hoàn cảnh khác

Có 100 phiếu trả lời đã được thực hiện với người dân ở địa bàn 04 tỉnh (An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh) và sinh viên người Khmer ở trường Đại học Cần Thơ. Kết quả:

Bối cảnh	**Sinh hoạt gia đình**	**Trong không khí lễ hội**	**Lúc cùng bạn bè ăn uống**	**Các hoàn cảnh khác**
Tổng hợp chung	*36%*	*19%*	*24%*	*21%*
An Giang	14%	36%	21%	29%
Kiên Giang	13%	0%	33%	53%
Sóc Trăng	27%	23%	27%	23%
Trà Vinh	59%	9%	27%	5%
ĐH Cần Thơ	48%	26%	15%	11%

Từ bảng thống kê, chúng tôi biểu diễn thành hai sơ đồ sau:

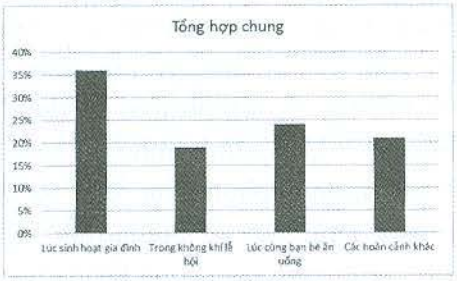

Hình 1. Tổng hợp tỉ lệ ý kiến người được hỏi về hoàn cảnh nảy sinh việc kể chuyện cười

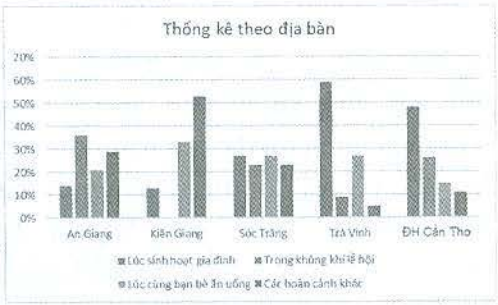

Hình 2. Tổng hợp ý kiến ở các địa phương về hoàn cảnh nảy sinh truyện cười

Từ kết quả điều tra trên có thể thấy môi trường hay không gian diễn xướng thích hợp của truyện cười Khmer chủ yếu là không khí sinh hoạt gia đình, kế đến là sinh hoạt bạn bè cùng trang lứa kể cho nhau nghe lúc trà dư tửu hậu. Tính chất cố kết gia đình, thân tộc của người Khmer khá cao. Thậm chí có vùng, bên cạnh thờ thần linh còn xem ông bà tổ tiên cũng có vai trò tương đương thần linh, phò trợ cho xóm làng, dòng tộc gần giống với việc thờ Thành hoàng khá phổ biến ở người Kinh.

Một điều đáng lưu ý là trong phạm vi gia đình, truyện cười Khmer, toát lên tinh thần truyền thống tôn trọng phụ nữ. Điều đó thể hiện trong các chủ đề và motif "kén rể", "bắt rể"... Số lượng kiểu truyện cười kén rể chiếm vị trí cao trong chuỗi truyện cười Khmer. Kết cấu truyện thường dựa vào môtip thách đố: ông bố đặt ra nhiều thử thách để kén rể cho con gái mình với những điều kiện, tiêu chí lạ lẫm. Quá trình vượt qua những điều kiện, thử thách ấy tạo nên những tình huống gây cười. Ở đấy, ông già muốn kén rể ra điều kiện, ai làm cho ông tức giận thì sẽ được chọn làm rể và ngược lại nếu ai tỏ ra tức giận thì sẽ bị từ chối ngay. Nhiều chàng trai thua cuộc ngay từ đầu. Thực ra, đây không phải là một kiểu truyện đặc thù của người Khmer Nam Bộ mà nó hiện diện trong kho tàng truyện dân gian của nhiều dân tộc khác. Theo Nguyễn Đổng Chi trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* [2] thì kiểu truyện kén rể bằng thử thách này có ở dân tộc Việt (*Giận mày tao ở với ai?/ Phượng hoàng đất*), người Nùng (*Không bao giờ biết giận*), Champa (*Kén rể*). Rộng ra ở các nước, người Pháp (*Jean và Pie*); Ấn Độ, Saricolie, Srilanka, Afghanistan, Đungan,... cũng tương tự. Trong truyện kể kiểu này của một số dân tộc ở châu Âu và châu Á có khi còn kèm theo hình phạt (cắt mũi, xẻo tai, đập gãy lưng, ...). Trong lúc đó truyện Khmer lại theo hướng ôn hòa, tránh bạo lực. Điều đó trong sâu xa có ảnh hưởng từ cơ cấu gia đình và truyền thống tín ngưỡng tộc người.

Như đã nói, người Khmer không có truyền thống "nam tôn nữ ti", con gái và con trai bình đẳng về mặt xã hội. Nếu gia đình khá giả có của ăn của để thì khi chia tài sản sẽ chia đều cho con gái lẫn trai, không phân biệt. Người phụ nữ Khmer tháo vát đảm đang việc bếp núc, khéo léo

thu vén việc nhà cửa, tận lực cùng chồng con lo mùa màng đồng áng và tinh tế góp ý bàn bạc cùng chồng chuyện liên quan tới gia đình, địa phương. Phải chăng đây là tàn dư của chế độ mẫu hệ xa xưa, có ý nghĩa khẳng định vị trí của phụ nữ Khmer trong xã hội. Do vậy việc chọn chồng cho con gái được cực kì quan tâm. Chọn được chàng rể tốt đồng nghĩa với việc gia đình sẽ được hưởng phước trong kiếp này. Ngày nay nhiều gia đình Khmer ở Nam Bộ vẫn duy trì truyền thống cho ở rể. Về mặt này, người Chăm cũng tương tự, nhưng sẽ lý giải theo hướng khác.

Đối với truyện cười dân gian Khmer, một trong những motif phổ biến mà các kiểu truyện kén rể Khmer hay sử dụng là *chọn rể không chửi thề*: *Kén rể không chửi thề* [4], *Ông già kén rể* [8], *Phú ông kén rể* [3],... Ở kiểu truyện này, ông già chủ mưu sẽ làm mọi cách để chàng rể tức giận nhưng không được chửi thề, nếu vi phạm sẽ bị đuổi ngay. Điều kiện này có thể lí giải theo quan niệm đạo đức, người không chửi thề là những người có giáo dục, là những người biết giữ bình tĩnh, kìm nén, điều tiết cảm xúc để đạt mục đích. Nguyên nhân sâu xa có thể liên quan đến truyền thống tu tập của người con trai Khmer. Bất cứ người Khmer nào có con trai cũng đều mong muốn con mình được thọ giới, rèn luyện trong môi trường cửa thiền một thời gian để báo hiếu cha mẹ, tổ tiên, đồng thời rèn luyện đức hạnh cho bản thân. Khi đã trải qua quãng đời với kinh kệ và giáo lí nhà Phật, con người trở nên vững vàng, chín chắn hơn và được cộng đồng nể phục, coi trọng. Do đó nếu chàng trai nào chưa chịu sự rèn luyện của nhà chùa có thể không có khả năng nhẫn nại trước lời thách đố của người ra điều kiện. Vậy là truyện cười ngoài thể hiện chức năng giáo dục đạo lý còn là công cụ kiểm tra đức tính của người đàn ông trước khi bước vào con đường hoàn tục.

Điều này cũng được thể hiện trong kết quả điều tra của chúng tôi. Trong câu hỏi "Truyện cười có ý nghĩa giáo dục không?" thì số lượng thừa nhận là "có" ở nam giới chiếm tỉ lệ 51%, trong khi ở nữ giới là 77%. Rõ ràng việc kén rể với tình huống lạ, lấy tiêu chí đức hạnh được thụ giáo qua quá trình tu tập của người đàn ông tham gia vào kết cấu truyện cười tạo nên sự khác biệt so với kiểu truyện cùng loại của các tộc người khác.

So với hệ thống truyện cười Khmer ở Campuchia, kết cấu này dường như không thấy. Phải chăng từ thế kỷ XI, người Khmer ở Nam Bộ xa rời mô hình xã hội dưới các triều đại, đế chế phong kiến Ăng Ko, thay thế bằng lối sống tự trị qua cấu trúc xã hội: Phum, Srok và chùa chiền. Đấy là lý do tinh thần giáo huấn lấn át tư tưởng "trung quân" thường thấy trong truyện cười người Khmer ở Campuchia. Truyện cười Khmer Nam bộ vì vậy chú trọng cái nghĩa, cái tình hơn là sự đối đầu với các thế lực phong kiến. Bóng dáng của những cuộc đua tài giữa *Th'nênh Cheay* với sứ giả Tàu, vì vậy, hoàn toàn phai mờ trong tâm trí của người dân Khmer Nam Bộ, và do vậy, cũng cũng bóng trong các tư liệu mà chúng tôi sưu tầm ở địa phương.

Tóm lại, những tình huống tạo tiếng cười của truyện cười Khmer Nam Bộ cơ bản dựa trên quy tắc thể loại nhưng nó đã có sự ảnh hưởng từ lối tư duy thực

tế, xuất phát từ môi trường sống của tộc người. Điều đó cũng chứng minh rằng tính thực tiễn của môi trường sống có vai trò lớn trong việc xây dựng kết cấu loại hình truyện cười dân gian Khmer.

3. Trong tâm thức của người Khmer, đời sống thực tại có vị trí nền tảng nhưng không quan trọng bằng ý thức về cội nguồn dân tộc với các đại diện của tổ tiên và kiếp tái sinh mai sau. Do vậy họ coi trọng việc đi lễ chùa, dốc lòng thành cúng dường cho chư tăng. Theo tín ngưỡng Phật giáo, người chết không thể giao tiếp với người sống mà phải nhờ chư tăng tụng kinh để chuyển hoá. Nhà sư và nhà chùa trở thành biểu tượng thiêng liêng và là thành phần không thể thiếu trong đời sống thường nhật. Nói đúng hơn, sự thâm nhập sâu của đời sống Tôn giáo, tín ngưỡng vào đời sống thường nhật khiến cho ý niệm ngăn cách giữa thế giới tâm linh và thế giới thực tại dường như bị nhòe. Do đó, việc truyện cười đả kích, châm biếm tăng lữ là điều dễ hiểu. Cần thấy sự khác biệt giữa truyện cười đả kích sư sãi của người Việt (Kinh), được xem như mũi dùi chĩa vào thế lực phong kiến hủ bại và sự tha hóa của tầng lớp phong kiến và tăng lữ ở giai đoạn thoái trào so với việc châm biếm sư của người Khmer bị chi phối bởi cơ chế tu hành của người con trai Khmer (đạo Phật Tiểu thừa không có nữ tu). Đấy là một cơ chế mở, đi tu và hoàn tục để lập gia đình là việc bình thường. Đi tu là một nghĩa vụ đối với vòng đời của bản thân và gia đình. Do đó, dù nhà sư ở trong chùa Khmer phải giữ giới luật nhưng không hoàn toàn biệt lập với thế giới bên ngoài. Hằng năm có hơn bốn lễ hội lớn nhỏ đều là cơ hội để người tu hành và người thân được gặp nhau. Sau phần lễ theo truyền thống, trai gái Khmer đa số đều vào chùa để dự hội với những trò chơi dân gian, ca hát, diễn xướng; nam nữ tự do gặp gỡ trao đổi tâm tình và có thể tìm bạn đời. Một vài vị sư trẻ đã xuất tu sau mùa lễ hội vì lỡ phải lòng cô thôn nữ Khmer.

Cơ chế mở ấy đã làm cho môi trường nhà chùa trở nên gần gũi với đời thường hơn. Từ đó một số ít chư tăng vô tình phá vỡ giới luật cũng là điều dễ hiểu. Cho nên những motif về nhà sư không giữ đạo hạnh cũng bắt đầu xuất hiện và dần dần phổ biến. Từ đó có thể lí giải tình trạng truyện cười Khmer có motif châm biếm nhà sư khá nhiều: *Thầy cả và đệ tử, lục cụ tac tư te to, chọn sãi cả, thầy Âk ây* và một số truyện về *À Lêu* xoay quanh việc châm chọc sư. Nhà sư bị châm biếm không phải là cách để quần chúng nhân dân Khmer phủ nhận thiết chế tín ngưỡng của dân tộc mình mà là nhằm duy trì và bảo tồn nó tốt hơn. Phê phán những thói xấu có tính bản năng của nhà sư, truyện cười Khmer Nam Bộ không nhằm mục đích tiêu diệt những cái bản năng ấy mà chỉ muốn nhắc nhở đề cao những quy tắc ứng xử thuộc văn hoá tín ngưỡng. Rõ ràng, sự thâm nhập tư duy thế tục vào tư duy giới luật làm cho kết cấu truyện uyển chuyển, gần gũi với đời sống thực tế hơn.

Ở một chiều kích khác, trong quá trình cộng cư với người Việt và người Hoa, một số motif trong truyện cười Khmer lại còn được chuyển hoá và thay đổi. Chẳng hạn, người Khmer có tục lệ tôn kính chữ nghĩa và kinh Phật, quý trọng những người có học. Tuy nhiên trong các truyện cười liên quan đến việc kén rể diễn ra cuộc thi tài giữa hai chàng trai: một ở nông thôn, một ở thành thị thì sự việc được nhìn nhận ở một hướng gần như trái ngược. Chẳng hạn câu chuyện sau đây:

"Ngày xưa, có một ông già nọ có cô con gái rất đẹp. Ông ta mở cuộc kén rể. Ông đưa ra điều kiện: "Thằng nào biết chữ Nho thì ông gả con gái cho". Bữa nọ có một thằng không biết chữ Nho và một người biết chữ Nho tới dự kén rể. Cuộc kén chọn bắt đầu. Ông già dẫn chàng trai biết chữ Nho đi. Dọc đường ông hỏi bất cứ cái gì thì phải trả lời bằng chữ Nho. Đầu tiên thấy một cây cong bên lề: "Tại sao cây này nó cong hả con?". Chàng trai trả lời: "Cận lộ thì đa nhân vịn" (Cây gần lộ bị vịn nhiều nên nó cong). Ông già tấm tắc khen hay. Đi tiếp một đoạn đường nữa thì thấy một con vịt nổi dưới sông. Ông già hỏi: "Tại sao con đó nó nổi dưới sông vậy?". Đáp: "Dạ thưa tía, đa mao thủy vinh, ít thịt nhiều lông nên nó nổi". Ông già lại khen: "Khá lắm". Đi tiếp một lúc nữa ông thấy tảng đá bị tét làm hai nên ông hỏi: "Tại sao hòn đá bị tét hả con?". Chàng rể trả lời: "Dạ thưa tía, cái này là Huỳnh Sà trảm thạch sinê, ông Huỳnh Sà chém ra làm hai". Ông bố vội bảo: "Thôi được".

Lần tới, ông dẫn chàng trai không biết chữ Nho đi và cũng đi ngay đường đó. Khi tới cây cong đó ông hỏi: "Tại sao cây này cong vậy con?". Chàng trai trả lời: "Ôi tía ơi! Thứ nào cong thì nó cong, thứ nào ngay thì ngay à!". Ông già thấy câu trả lời hơi ngang nhưng ông vẫn thấy hay. Khi tới chỗ con vịt thì ông cũng hỏi tiếp như trên. Chàng ta trả lời: "Thứ nào nổi thì nổi thứ nào chìm thì chìm à!". Ông già thấy cũng được. Và tiếp tục dẫn tới chỗ hòn đá, ông hỏi: "Tại sao hòn đá nó tét vậy con?". Nó trả lời: "Thứ nào tét thì tét thứ nào nguyên thì nguyên à!". Ông già cự lại: "Không phải đâu! Thằng kia nó nói là Huỳnh Sà trảm thạch sinê". Lúc đó nó nói tiếp: "Đâu phải có thế! Hồi xưa tới nay cái bàn đít của tía có ai trảm mà cũng tét làm hai vậy".

Ông già thấy có lý bèn gả con gái cho nó luôn"[1] [8]...

Câu truyện trên chứng minh một thực tế là khi đi vào truyện cười, sự phân biệt trí thức dỏm, coi trọng tấm lòng chân thành đã thể hiện sự thắng thế của tư duy thực tiễn so với tư duy quan trường. Đúng hơn đấy là tư duy coi trọng thực tiễn hơn tri thức sách vở. Điều này vốn có nguồn gốc từ sự giao lưu văn hoá với người Việt vì trong kho tàng truyện cười dân gian Việt Nam, kiểu truyện đối đáp giữa hai chàng trai, một biết chữ Nho và một là nông dân vốn rất phổ biến của người Việt. Có lẽ trong quá trình chung sống, người Khmer đã vay mượn "típ" truyện này và chuyển hoá vào kiểu truyện kén rể của mình. Một trong những khớp nối thể hiện các motif dễ bị chuyển hóa thường ở loại truyện cười kết chuỗi mà tiêu biểu là truyện *Th'nênh Cheay*. Trong hệ thống chuyện về nhân vật thông minh của người Khmernày có nhiều motif rất giống truyện Trạng Quỳnh của người Việt. Tuy nhiên, với kiểu truyện nói trạng của nhiều dân tộc sống trên đất Việt, truyện nói trạng Khmer vẫn có những nét đặc thù. Để làm rõ vấn đề này trong những motif của truyện cười Khmer Nam Bộ, chúng tôi đã lập bảng so sánh những motif đã sử dụng của truyện cười người Khmer với những motif của truyện cười người Việt. Tư liệu để so sánh là 36 truyện cười người Việt trong quyển *Văn học dân gian Sóc Trăng*. Kết quả như sau:

[1] Người kể Thạch Thị Bình (1940), ấp Trà Sết, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu.

STT	Motif	Người Khmer	Người Việt
1	Thách đố/ thử tài để gả con	X	X
2	Đánh lừa bằng cách dùng mưu	X	X
3	Làm rõ sự thật bằng lời cầu xin	X	
4	Coi bói để biết số mạng	X	
5	Bị ám ảnh bởi lời thầy bói gây ra những hành động tai hại	X	
6	Nghe trộm để biết được mưu kế	X	X
7	Cầu khấn thần linh (neak tà, thần rừng)	X	X
8	Quan hệ hôn nhân bất chính	X	
9	Giới thiệu nhân vật có tính tình không tốt (keo kiệt, ham ăn, thích nhậu nhẹt,…) có sở thích lạ	X	X
10	Đối đáp, tranh biện để lột trần sự thật bị che đậy	X	X
11	Nhà sư có tính cách không tốt	X	X
12	Giấu đồ vật vào một chỗ không cho ai biết	X	
13	Thực hiện hành động (theo lời người khác) không suy nghĩ	X	X
14	Căn dặn người khác hành động theo một tiêu chí nào đó	X	X
15	Không hiểu người khác do không biết chữ	X	
16	Hiểu nhầm hành động của nhân vật khác	X	X
17	Cưới vợ lẻ	X	
18	Giới thiệu nhân vật khờ, ngốc	X	X
19	Mơ ước những điều viển vông, quá đáng	X	
20	Thề thốt không làm việc gì	X	
21	Hiểu nhầm do khuyết tật	X	X
22	Kén rể theo tiêu chuẩn lạ	X	
23	Kiện cáo, phân xử	X	
25	Rút thăm xem ai đối mặt với thử thách		X
26	Ứng xử những tình huống trái khoáy bằng thơ ca		X
27	Ăn nói lỡ lời, vô duyên, do nhận thức kém nên gây họa		X
28	Lí giải ý nghĩa câu truyện, liên hệ giáo huấn	X	

Kết quả trên cho thấy, có 12 motif mà người Khmer sử dụng trong truyện cười trong khi người Việt không sử dụng. Tuy nhiên trong đó, có một số motif chỉ xuất hiện một lần, tần số còn có tính ngẫu nhiên. Dưới đây là những motif thường gặp trong truyện cười Khmer:

- Coi bói để biết số mạng

- Bị ám ảnh bởi lời ông thầy bói gây ra những hành động tai hại

- Không hiểu người khác do không biết chữ

- Kén rể theo tiêu chuẩn lạ

- Lí giải câu truyện, liên hệ giáo huấn

Trong truyện cười kết chuỗi *Th'nênh Cheay*, motif ra đời của *Th'nênh Cheay* có sự pha trộn với motif của truyền thuyết và cổ tích. Bà mẹ *Th'nênh Cheay* nằm mơ thấy *sao sa xuống bụng*, hoặc có dị bản là *lạc vào một khu vườn trĩu quả* hay gặp *con chim màu đỏ*,… sau đó có mang và đi xem bói để biết tương lai của đứa trẻ. So sánh với các truyện Trạng Quỳnh và Cuội đều không có motif này. Một lần nữa, câu chuyện trên đây và kết quả thống kê cho thấy sự du nhập, chuyển

hóa trong truyện cười khá mạnh qua sự pha trộn motif của thể loại khác. Nhưng vai trò chủ đạo của văn hóa và đời sống Khmer vẫn tạo nên một motif hoàn toàn khác với các truyện cùng loại.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy, tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ ảnh hưởng đến việc lựa chọn các mô típ, các kiểu truyện phù hợp với đặc tính dân tộc mà sâu xa hơn nó còn góp phần tạo nên văn hoá kể chuyện cười Khmer. Như đã nói ở trên, vai trò của tôn giáo vừa tham gia, vừa bị chi phối cảm hứng truyện cười Khmer nhưng không thể không đề cập đến những khía cạnh sâu hơn trong tâm thức người Khmer.

4. Tâm thức phồn thực của người Khmer Nam Bộ cũng xuất hiện trong truyện cười dân gian Khmer. Khi nói đến yếu tố tâm thức, người ta thường hiểu đó là phần ẩn sâu trong đời sống cộng đồng, là một phần của nền văn hoá một dân tộc. Theo A.A. Belik, tâm thức là "tổng thể tương đối toàn vẹn các tư tưởng, niềm tin thói quen tinh thần tạo thành một bức tranh thế giới và củng cố sự thống nhất một truyền thống văn hoá hoặc một cộng đồng nào đó" [1]. Yếu tố thống nhất đó có thể hiểu là những mẫu, những công thức được dùng để nhận xét, đánh giá hiện thực và xã hội. Như vậy khi nói về tâm thức của một cộng đồng có hai điểm đáng chú ý: một là, những mẫu, những công thức hay những yếu tố có tính thống nhất chi phối các hoạt động của con người trong lĩnh vực tinh thần. Hai là yếu tố tự ý thức của cộng đồng, hay là sự phản tỉnh của cộng đồng ấy. Trong truyện cười Khmer Nam Bộ, đời sống tâm thức, ngoài việc châm biếm nhà sư còn thể hiện tâm thức phồn thực. Yếu tố phồn thực lại thường được thể hiện qua các vật biểu trưng như sinh thực khí mà dân gian thường xem là tục và gọi là truyện tiếu lâm.

Trong cách phân loại của truyện cười Khmer, các nhà nghiên cứu không phân thành tiểu loại tiếu lâm. Vậy tiểu loại này nên được hiểu thế nào? Theo Chu Xuân Diên: "Truyện tiếu lâm xét cho kĩ không phải là một loại truyện cười riêng biệt. Cái tên ấy chẳng qua là để gọi truyện cười nói chung, dầu là khôi hài, dầu là trào phúng. Thế thì, lúc đầu danh từ truyện tiếu lâm có ý nghĩa rất rộng và cũng không nhất thiết có nghĩa là truyện "tục" như cách hiểu thông thường hiện nay" [dẫn theo 10].

Theo quan niệm nêu trên, ít ra đối với người Khmer, tiếu lâm vốn không phải là loại truyện cười mang yếu tố tục như cách mà hiện nay nhiều người vẫn nghĩ. Hơn nữa yếu tố tục trong nhiều truyện cười không chỉ có giá trị phản ánh về mặt đạo đức – xã hội mà còn phản ánh một nét văn hoá tín ngưỡng phồn thực của những dân tộc sống trong vùng nông nghiệp lúa nước. Theo Phạm Đức Dương: "... trong đời sống cư dân nông nghiệp Đông Nam Á có ba tín ngưỡng dân gian cơ bản: vật linh giáo, thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng phồn thực... tín ngưỡng phồn thực phát triển dựa trên quan niệm có sự giao thoa, hoà hợp giữa âm - dương, trời - đất, đực - cái, nóng - lạnh,... tạo nên sức mạnh làm sinh sôi nảy nở vạn vật sinh linh" [9].

Vì vậy, việc tôn sùng sự sinh sôi nảy nở, coi trọng hoạt động tính giao trong nhiều lĩnh vực đã thể hiện qua những tục lệ thờ sinh thực khí, lễ rước nõ nường,... của nhiều dân tộc Việt Nam nói riêng và các dân tộc sống trong khu vực Đông Nam Á nói chung. Ở chừng mực nào, có thể

thấy sinh lực khí cũng được xem là bản thể tự nhiên như một phần của không gian tự nhiên.

Như vậy nếu tín ngưỡng phồn thực chú trọng sự sinh sôi nảy nở, hay quan tâm đến việc thờ những sinh thực khí (linga và yoni), phóng đại những cơ quan sinh dục trong các hình tượng văn hoá thì quan niệm của nhà Phật lại đề cao sự tôi luyện, kìm nén dục vọng, coi trọng đạo đức. Tính chất hai mặt mâu thuẫn nhau cùng tồn tại trong tâm thức trên nền tảng thờ cúng đã thể hiện tính nhị phân, lưỡng hợp trong nhận thức Khmer là một biện chứng đáng lưu ý. Điều đó thể hiện qua truyện (kén rể quan tâm đến bộ phận sinh dục nhưng lại phải có kích thước nhỏ). Cách nói "kén rể có c. nhỏ", hay những hành động như làm dấu trên bộ phận sinh dục (*Bứt dây thả tuốt),* đưa dương vật lên ra hiệu (*Thằng điếc đi bắt chim)*... Đối với nhiều người sẽ là cách nói thô thiển, thiếu văn hoá, nhưng không gian sinh hoạt người Khmer cho phép người diễn xướng phá mọi rào cản. Tiếng cười dân gian đặt vào những hành động có vẻ "phi chuẩn" ấy một mặt như muốn đả phá và bác bỏ, nhưng mặt khác lại có khát vọng gợi nhắc về một biểu tượng xa xôi. Điều mà M. Bakhtin tìm thấy tiếng cười "nhị chức năng" của nền văn hoá dân gian Trung cổ và Phục hưng trong tác phẩm của F. Rabelais (8).

So với truyện cười của người Việt, các motif có chứa yếu tố tục trong truyện cười của người Khmer đều thể hiện qua các mặt sau: Các hoạt động tiểu tiện, trung tiện đại tiện, hoạt động tính dục, bộ phận sinh dục...

Ở người Việt, những chuyện có liên quan đến các hoạt động bài tiết (tiểu tiện, trung tiện, đại tiện) chiếm tỉ lệ cao: 5/11 truyện (45%), còn ở người Khmer hoàn toàn vắng bóng. Các chi tiết có liên quan đến hoạt động tính dục thì cả hai dân tộc đều có tỉ lệ như nhau: 3/11 truyện (27%), còn lại các chi tiết có liên quan đến cơ quan sinh dục (đa số là nam) thì ở truyện người Khmer là 7/11 (64%), ở người Việt là 3/11 (33%). Tuy nhiên, qua thống kê, yếu tố tục trong truyện cười dân gian Khmer có khuynh hướng thiên về miêu tả các chi tiết liên quan đến bộ phận sinh dục và hoạt động tính giao của con người. Do vậy trong tâm thức của người Khmer có sự đan cài và chồng chất nhiều lớp văn hoá mà cái lõi là đời sống trần tục, lớp vỏ ngoài cùng của nó lại là văn hoá Phật giáo. Có thể hiểu cách kể mang màu sắc tự nhiên chủ nghĩa trong truyện cười Khmer Nam Bộ phản ánh một kết cấu tâm thức mà ở đó, lớp văn hoá bản địa đầu tiên trong cư dân vùng nông nghiệp được bồi đắp thêm văn hoá Ấn Độ làm cho lớp trầm tích ấy ngày càng dày hơn. Và đến lượt kết cấu tâm thức ấy lại bị che phủ bởi các mối quan hệ xã hội hằng ngày do văn hoá Phật giáo chi phối. Nó chỉ biểu hiện ra trong những sinh hoạt kể truyện cười dân gian. Đấy là cách thể hiện vừa mang tính dung hòa giữa các giáo lý, vừa mang tính thực tiễn.

Tóm lại, truyện cười dân gian Khmer là kết quả của quá trình tương tác giữa tinh thần tôn giáo tín ngưỡng có cội nguồn từ Ấn Độ giáo và Phật giáo với đời sống thực tiễn bắt nguồn từ nền nông nghiệp lúa nước. Lối sống hòa trộn giữa hai kiểu thức văn hóa nòng cốt ấy tạo cho truyện

cười một nét độc đáo về mặt kết cấu. Tính lưỡng phân giữa đời sống giáo lý và trần tục làm cho tiếng cười vừa hồn nhiên chất phác vừa cẩn trọng giữa cái nghiêm túc với khát vọng sống giúp nó vượt qua những ràng buộc, che đậy của giáo lý để vươn lên tinh thần nhân văn Khmer.

Tài liệu tham khảo

[1] A.A. Belik (2000), *Văn hóa học, những lý thuyết nhân học văn hóa* (Đỗ Lai Thúy, Hoàng Vinh, Huyền Giang dịch), Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật* xuất bản, Hà Nội.

[2] Nguyễn Đổng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Quyển hai (tập IV, V), in lần thứ tám, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[3] Chu Xuân Diên (Chủ biên, 2002), *Văn học dân gian Sóc Trăng*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

[4] Anh Động (Sưu tầm) (1985), *Công chúa tóc thơm (Truyện dân gian Khmer Nam Bộ)*, Nxb. Mũi Cà Mau.

[5] M.M. Bakhtin (1993), *Sáng tác của François Rabelais và nền văn hoá Trung cổ và Phục hưng* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[6] Trường Lưu (Chủ biên) (1993), *Văn hoá người Khmer vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

[7] Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (1995), *Văn hóa vùng và sự phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[8] Huỳnh Ngọc Trảng (Sưu tầm) (1983), *Truyện cổ Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

[9] Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á (2000), *Văn hóa Nam Bộ trong không gian văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

[10] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2005), *Tổng tập Văn học dân gian người Việt*, Tập 8: *Truyện cười*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[11] Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

[12] Viện Văn hóa (1988), *Tìm hiểu vốn văn hóa Khmer Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.